

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TỰ ĐỘNG HÓA TNA**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TỰ ĐỘNG HÓA TNA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNA TECHNOLOGY AND AUTOMATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TNA TECH.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107992251

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45 ngách 32/84 phố Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37868287

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                 | 8299        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                  | 4652(Chính) |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4741        |
| 8.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                  | 7210        |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                              | 3313        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                          | 4290        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                               | 6201        |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                 | 6202        |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông;<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác | 7110        |
| 17. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                           | 2620        |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 21. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                    | 8020        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH CÔNG | Số 18 Ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch, Tổ 41C, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 013195084                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                    | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TUẤN ANH   | Số 44B, ngõ 46 phố Đinh Văn Tả, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 143001238                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                    | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐẶNG MINH TIỀN    | Số 95 ngõ 6, Đường Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0340790000<br>54                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                    | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh:

Sinh ngày: 27/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 145343970

Ngày cấp: 17/04/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Như Lân, Xã Long Hưng, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Như Lân, Xã Long Hưng, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội